

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gỗ Đàng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch	
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên	
Ông David Martin Ireland	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/12/2012
Ông Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/12/2012
Ông Vithit Vattanamara	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/12/2012
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/12/2012
Ông Đỗ Thiệu Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/12/2012
Ông Trần Xuyên Giáo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/12/2012
Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	
Bà Trương Thị Thuý	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giáo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thu mua thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn thủy sản;
- Đầu tư tài chính.

NHỮNG THAY ĐỔI ĐÁNG CHÚ Ý TRONG NĂM

- Trong năm 2012, Công ty đã đăng ký thay đổi vốn điều lệ từ 119.999.300.000 đồng lên đến 180.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2012.
- Trong tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành thành công 6.000.070 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu và giá phát hành bình quân là 63.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Đạo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Số: 81/DFK - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gò Vấp
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ VẤP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gò Vấp ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013, từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Hồ Đức Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0458/KTV
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		883.442.839.525	501.728.560.778
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	V.01	<i>162.462.806.360</i>	<i>29.753.096.347</i>
1. Tiền	111		162.462.806.360	4.903.096.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	24.850.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>160.000.000.000</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	160.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	V.03	<i>159.605.037.948</i>	<i>204.154.565.033</i>
1. Phải thu khách hàng	131		99.168.433.536	80.506.523.807
2. Trả trước cho người bán	132		30.640.947.251	56.831.864.669
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		29.795.657.161	68.492.169.026
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(1.675.992.469)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.04	<i>391.665.953.596</i>	<i>259.347.350.920</i>
1. Hàng tồn kho	141		391.665.953.596	259.347.350.920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>9.709.041.621</i>	<i>8.473.548.478</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	1.667.609.699	2.438.153.270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.983.981.735	4.589.159.454
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		940.513.780	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.116.936.407	1.446.235.754
B. Tài sản dài hạn	200		362.807.616.875	178.690.835.851
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>136.693.503.296</i>	<i>57.050.975.221</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	22.118.897.043	23.288.239.602
- Nguyên giá	222		54.204.655.151	50.166.863.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.085.758.108)	(26.878.623.537)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	69.690.012.653	28.210.410.597
- Nguyên giá	228		73.644.528.180	30.183.703.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.954.515.527)	(1.973.292.583)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	44.884.593.600	5.552.325.022
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>214.623.215.465</i>	<i>118.540.681.556</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	144.623.215.465	118.540.681.556
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	70.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>11.490.898.114</i>	<i>3.099.179.074</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	11.490.898.114	3.099.179.074
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.246.250.456.400	680.419.396.629



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		548.291.590.456	428.386.232.414
I. Nợ ngắn hạn	310		548.291.590.456	428.386.232.414
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	448.253.973.277	328.622.484.864
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	69.888.893.618	83.975.249.502
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	553.261.000	1.301.320.479
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	105.129.881	1.531.326.319
5. Phải trả công nhân viên	315		3.457.470.180	2.720.279.206
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1.492.383.657	2.265.659.236
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	23.461.697.418	7.796.232.278
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.078.781.425	173.680.530
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		697.958.865.944	252.033.164.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	697.958.865.944	252.033.164.215
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	119.999.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		324.998.175.111	7.306.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.395.418.625	6.855.356.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		179.565.272.208	117.871.597.896
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.246.250.456.400	680.419.396.629
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD		187.557,38	136.916,30
	EUR		2.174,60	2.377,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		846.939.633.858	813.728.996.285
2. Các khoản giảm trừ	02		19.822.763.864	9.794.844.053
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	827.116.869.994	803.934.152.232
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	670.094.730.873	670.831.623.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		157.022.139.121	133.102.528.612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	51.406.547.652	96.692.209.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	20.368.569.010	19.787.132.366
- Trong đó: lãi vay	23		20.269.837.462	16.902.906.382
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	71.517.510.853	62.553.608.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	25.553.932.130	32.296.147.141
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.988.674.780	115.157.849.777
11. Thu nhập khác	31	VI.07	5.274.544.984	2.659.437.884
12. Chi phí khác	32	VI.08	3.206.872.356	3.534.617.932
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		2.067.672.628	(875.180.048)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93.056.347.408	114.282.669.729
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.822.680.790	1.398.337.312
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		90.233.666.618	112.884.332.417
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	7.368	10.924

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	93.056.347.408	114.282.669.729
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.502.242.381	5.952.951.395
Các khoản dự phòng	03	(1.675.992.469)	(62.925.308)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.743.004.542)
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(48.102.469.295)	(92.203.771.954)
Chi phí lãi vay	06	20.269.837.462	16.902.906.382
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	71.049.965.487	43.128.825.702
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	44.219.482.840	(79.079.449.110)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(132.318.602.676)	(82.592.474.013)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.991.236.188)	27.963.917.293
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(7.621.175.469)	683.447.130
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.269.837.462)	(16.902.906.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.462.675.868)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	97.565.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.094.899.105)	(6.949.548.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(57.488.978.441)	(113.650.623.103)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(87.642.641.847)	(8.284.018.336)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	621.287.168	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	11.970.118.466
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(186.082.533.909)	(34.247.532.397)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	526.425.308
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.979.053.518	62.538.439.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(295.124.835.070)	32.503.432.957
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.368.170.365.580	1.129.912.457.155
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.248.538.877.167)	(1.016.838.186.933)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(11.999.930.000)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	485.323.523.524	105.074.270.222
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	132.709.710.013	23.927.080.076
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.753.096.347	5.826.016.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	162.462.806.360	29.753.096.347

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Gò Đàng Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 530300064 ngày 11/5/2007 và thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (Hose) với mã chứng khoán là AGD từ ngày 07/01/2010 theo Quyết định số 177/QĐ-SDGHCM ngày 28/12/2009 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty 180.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thu mua thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn thủy sản;
- Đầu tư tài chính.

Hoạt động chính của Công ty là thu mua, chế biến và nuôi trồng thủy sản.

3. Danh sách các công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	Phường Cô Giang - quận 1 - Tp. HCM	Thương mại và dịch vụ	100%	100%
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Sản xuất thủy sản	100%	100%
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	100%	100%
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Mỹ Thanh – Mỹ Phước – Mang Thít – Vĩnh Long	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Khu công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre	Sản xuất thủy sản	100%	100%

4. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2012: 486 người

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. Tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 07
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm quản lý

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 – 05 năm.

7. Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa nhà xưởng và công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17% và 7% từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên. Kinh phí công đoàn được trích vào chi phí là 2% trên lương cơ bản.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng (giảm) do phát hành cổ phiếu cao (thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng (giảm) so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2012: 20.828 VND/USD

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm từ năm 2006 đến năm 2008. Năm 2012 là năm thứ tư Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	1.525.031.752	745.792.023
Tiền gửi ngân hàng	4.937.774.608	4.157.304.324
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn dưới 3 tháng	156.000.000.000	24.850.000.000
Cộng	162.462.806.360	29.753.096.347
2. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn từ 3 tháng đến 01 năm (2.1)	160.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng	99.168.433.536	80.506.523.807
Trả trước cho người bán	30.640.947.251	56.831.864.669
Phải thu khác (3.1)	29.795.657.161	68.492.169.026
Cộng	159.605.037.948	205.830.557.502
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.675.992.469)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	159.605.037.948	204.154.565.033
(3.1) Chi tiết các khoản phải thu khác:	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu tiền cho mượn đến các công ty con	21.322.959.823	44.683.046.060
Phải thu tiền hoàn thuế	6.000.768.239	2.684.205.624
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm	1.942.331.769	-
Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	-	9.664.650.000
Phải thu khác liên quan đến mua sắm tài sản cố định	-	9.114.225.000
Phải thu khác	529.597.330	2.346.042.342
Cộng	29.795.657.161	68.492.169.026
4. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu	41.348.679.697	45.798.066.439
Công cụ, dụng cụ trong kho	9.318.294.434	5.309.896.601
Sản phẩm dở dang (chỉ phí nuôi cá tại vùng nuôi)	241.221.621.453	123.267.819.619
Thành phẩm tồn kho	99.362.520.930	77.899.862.510
Hàng hóa tồn kho	26.001	778.945.871
Hàng gửi đi bán	414.811.081	6.292.759.880
Cộng	391.665.953.596	259.347.350.920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần hàng tồn kho	391.665.953.596	259.347.350.920

Giá trị hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn được trình bày chi tiết tại thuyết minh số V.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

5. Chi phí trả trước ngắn hạn	Năm 2012	Năm 2011
Tại ngày 01/01	2.438.153.270	1.953.653.799
Phát sinh trong kỳ	4.605.239.015	5.563.440.757
Kết chuyển chi phí	(5.375.782.586)	(5.038.814.443)
Các khoản giảm khác	-	(40.126.843)
Tại ngày 31/12	1.667.609.699	2.438.153.270

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm:

Chi phí đào ao	-	1.677.775.803
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	303.879.733	-
Khác	1.363.729.966	760.377.467
Cộng	1.667.609.699	2.438.153.270

6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng nhân viên	1.021.486.007	1.350.785.354
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.450.400	95.450.400
Cộng	1.116.936.407	1.446.235.754

7. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: ngàn đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012	20.547.144	23.803.444	2.399.649	618.093	2.798.534	50.166.863
Tăng	1.033.531	8.372.052	2.666.456	118.147	883.023	13.073.209
- Mua sắm mới	1.033.531	999.006	1.815.841	118.147	883.023	4.849.548
- Phân loại lại	-	7.373.047	850.614	-	-	8.223.661
Giảm	(8.447.831)	-	-	(334.003)	(253.582)	(9.035.417)
- Thanh lý	(811.756)	-	-	-	-	(811.756)
- Phân loại lại	(7.636.075)	-	-	(334.003)	(253.582)	(8.223.661)
Tại ngày 31/12/2012	13.132.843	32.175.496	5.066.105	402.237	3.427.975	54.204.655
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2012	12.315.507	12.259.553	440.880	350.769	1.511.913	26.878.624
Tăng	1.368.391	7.857.140	1.316.432	78.756	533.207	11.153.926
- Trích khấu hao	1.368.391	2.982.958	557.707	78.756	533.207	5.521.019
- Phân loại lại	-	4.874.181	758.726	-	-	5.632.907
Giảm	(5.222.271)	-	-	(260.468)	(464.052)	(5.946.792)
- Thanh lý	(313.885)	-	-	-	-	(313.885)
- Phân loại lại	(4.908.386)	-	-	(260.468)	(464.052)	(5.632.907)
Tại ngày 31/12/2012	8.461.627	20.116.693	1.757.313	169.057	1.581.068	32.085.758
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	8.231.637	11.543.890	1.958.769	267.323	1.286.621	23.288.240
Tại ngày 31/12/2012	4.671.216	12.058.803	3.308.792	233.180	1.846.907	22.118.897

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 13.639.398.815 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2012	29.550.616.870	633.086.310	30.183.703.180
Tăng	43.460.825.000	-	43.460.825.000
Tại ngày 31/12/2012 (*)	73.011.441.870	633.086.310	73.644.528.180
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2012	1.874.251.494	99.041.089	1.973.292.583
Tăng	1.858.490.694	122.732.250	1.981.222.944
Tại ngày 31/12/2012	3.732.742.188	221.773.339	3.954.515.527
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	27.676.365.376	534.045.221	28.210.410.597
Tại ngày 31/12/2012	69.278.699.682	411.312.971	69.690.012.653

(*) Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty là 65.079.414.000 như được trình bày tại thuyết minh V.13.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
Mua sắm tài sản cố định	10.165.270.683	1.466.471.179
Công trình xây dựng tại cồn Nhỏ	994.953.648	541.101.932
Công trình xây dựng nhà tập thể	1.898.227.621	239.621.185
Công trình xây dựng vùng nuôi Tân Phú	1.817.313.908	830.315.797
Công trình xây dựng vùng nuôi Lộc Thuận	1.284.080.720	400.592.182
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Minh	1.214.988.899	56.717.545
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Thắng	2.650.000.000	-
Công trình xây dựng vùng nuôi Sơn Phú	12.000.000.000	-
Công trình xây dựng cồn Dung	11.236.145.000	-
Các công trình khác	1.623.613.121	2.017.505.202
Cộng	44.884.593.600	5.552.325.022

10. Đầu tư vào công ty con

Tên Công ty	Vốn điều lệ đăng ký	Thời điểm thành lập	% biểu quyết		Vốn đã góp	
			Trực tiếp	Gián tiếp	31/12/2012	01/01/2012
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	3.800.000.000	30/10/1998	99,0%	1%	3.059.324.057	3.059.324.057
Công ty TNHH XNK TS An Phát	50.000.000.000	25/05/2006	99,8%	0,2%	49.900.000.000	49.900.000.000
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	1.000.000.000	04/10/2005	99,0%	1%	599.000.000	599.000.000
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	40.000.000.000	28/05/2008	100%	0%	30.069.297.102	30.069.297.102
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	81.000.000.000	23/03/2010	100%	0%	60.995.594.306	34.913.060.397
Cộng					144.623.215.465	118.540.681.556

Cho năm tài chính 2012, Công ty đã nhận được khoản cổ tức được chia từ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát là 42.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

11. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tiền gửi tiết kiệm	<u>70.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Sài Gòn với kỳ hạn 13 tháng, ngày đáo hạn 18/01/2014.

12. Chi phí trả trước dài hạn	Năm 2012	Năm 2011
Tại ngày 01/01	3.099.179.074	4.267.125.675
Phát sinh trong kỳ	9.441.500.588	40.126.843
Kết chuyển chi phí	(1.049.781.548)	(1.208.073.444)
Các khoản giảm khác	-	-
Tại ngày 31/12	<u>11.490.898.114</u>	<u>3.099.179.074</u>

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí thuê ao, đào ao	10.679.075.680	2.440.041.289
Chi phí thuê đất (*)	589.436.312	605.734.088
Khác	222.386.122	53.403.697
Cộng	<u>11.490.898.114</u>	<u>3.099.179.074</u>

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m2 đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50,000.00 USD.

13. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn - VND	1.101.000.000	17.300.248.180
Vay ngắn hạn - USD	410.811.472.000	188.938.702.640
Vay ngắn hạn - HKD	-	68.054.258.400
Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	36.341.501.277	54.329.275.644
Cộng	<u>448.253.973.277</u>	<u>328.622.484.864</u>

Chi tiết các khoản vay theo từng ngân hàng tại ngày 31/12/2012

Tên ngân hàng		Nguyên tệ		Quy ra VND
		USD	VND	
Eximbank - CN Hòa Bình	13.1	3.464.017	-	72.148.546.076
Sacombank - CN Tiền Giang	13.2	2.032.000	-	42.322.496.000
Ngân hàng Đông Á	13.3	1.345.900	-	28.032.405.200
HSBC (Việt Nam)	13.4	6.189.492	-	128.914.744.375
BIDV Bank	13.5	1.456.000	-	30.325.568.000
Ngân hàng Á Châu	13.6	2.067.000	1.101.000.000	44.152.476.000
Ngân hàng Hong Leong	13.7	59.708	-	1.243.587.810
Ngân hàng ANZ (Việt Nam)	13.8	4.854.722	-	101.114.149.816
Cộng		<u>21.468.839</u>	<u>1.101.000.000</u>	<u>448.253.973.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

DVT: VND

13. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(13.1) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình** bao gồm:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1007LAV201101080 ngày 19/8/2011; hạn mức vay: 50 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2012 là 2,296,000.00USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nguồn thu từ việc xuất khẩu, thành phẩm và hàng hoá của Công ty;
- Vay theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 31/12/2012 là 1,168,017.00USD.

(13.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng số LD1033600041 ngày 02/12/2010 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số LD1203400334/TT.1 ngày 19/9/2012; hạn mức tín dụng: 3,000,000.00USD hoặc VNĐ tương đương. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này bao gồm 23 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty được quy định chi tiết tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1203400334/BDS.1 ngày 19/9/2012 với tổng giá trị là 33.996.000.000 đồng.

(13.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Tiền Giang** bao gồm:

- Vay ngắn hạn theo hình thức tín chấp từ các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số H0030/3 ngày 19/9/2012 với số tiền vay 216,000.00USD; hợp đồng tín dụng số H0031/3 ngày 07/11/2012 với số tiền vay 250,000.00USD; hợp đồng tín dụng số H0032/3 ngày 12/11/2012 với số tiền vay 320,000.00USD; hợp đồng tín dụng số H0033/3 ngày 23/11/2012 với số tiền vay 220,000.00USD và hợp đồng tín dụng số H0034/3 ngày 05/12/2012 với số tiền vay 300,000.00USD.
- Vay theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 31/12/2012 là 39,900.00USD.

(13.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam** bao gồm:

- Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số VNM CDT090928 ngày 23/9/2009 và bản điều chỉnh 2 VNM 07120603 ngày 24/4/2012 với tổng hạn mức tín dụng: 5,800,000.00USD hoặc tương đương VNĐ hay HKD; lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng 2%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này bao gồm 13 quyền sử dụng đất được quy định chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số VNM 07120603/L ngày 17/8/2012 với tổng giá trị là 15.491.000.000 đồng. Số dư tại ngày 31/12/2012 là 6,019,000.00USD.
- Vay theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 31/12/2012 là 170,492.00USD.

(13.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Long An** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2012/HĐHM ngày 24/9/2012. Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng; thời hạn vay và lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Tài sản thế chấp trị giá 20 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC ngày 24/9/2012;
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết mà Công ty là người thụ hưởng.

(13.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Tiền Giang** theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số TIG.DN.02.040812/MMLC ngày 16/8/2012. Tổng hạn mức tín dụng là 4,000,000.00USD và 30.000.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng; lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Nhà máy chế biến thủy sản của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thủy sản An Phát theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số TIG.BĐDN.04.040812/MMLC ngày 16/8/2012 với trị giá 19.270.000.000 đồng;
- Máy móc thiết bị chế biến thực phẩm đông lạnh của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thủy sản An Phát theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TIG.BĐDN.03.040812/MMLC ngày 15/8/2012 với trị giá 14.581.000.000 đồng;
- Hàng tồn kho bình quân của Công ty Cổ phần Gỗ Đàng theo Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐDN.01080411 ngày 18/4/2011 với trị giá tài sản tối thiểu là 2,000,000.00USD;
- Các khoản phải thu và toàn bộ quyền, lợi ích của Công ty Cổ phần Gỗ Đàng có được từ các hợp đồng ACB tài trợ theo Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐDN.01150212 ngày 14/3/2012 với trị giá tài sản tối thiểu là 2,000,000.00USD.

(13.7) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng, Hong Leong Việt Nam** theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 31/12/2012 là 59,708.00USD.

(13.8) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam** theo Thư đề nghị cung cấp tiền ích ngày 22/3/2012 với hạn mức tiền ích là 4,000,000.00USD và Thư đề nghị cung cấp tiền ích ngày 25/12/2012 với hạn mức là 1,000,000 USD; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được bao gồm 18 quyền sử dụng đất được quy định chi tiết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số MA1.22.03.2012 ngày 24/4/2012 với tổng giá trị là 15.592.414.000 đồng và Hợp đồng cầm cố tiền gửi ngày 25/12/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả người bán	69.888.893.618	83.975.249.502
Người mua trả tiền trước	553.261.000	1.301.320.479
Cộng	70.442.154.618	85.276.569.981
15. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2012	01/01/2012
Thuế xuất nhập khẩu phải nộp	51.859.464	61.960.394
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.398.337.312
Thuế Thu nhập cá nhân phải nộp	53.270.417	71.028.613
Cộng	105.129.881	1.531.326.319
16. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí cước tàu phải trả	723.598.750	1.919.871.200
Chi phí phải trả khác	768.784.907	345.788.036
Cộng	1.492.383.657	2.265.659.236
17. Phải trả khác	31/12/2012	01/01/2012
BHXH, BHYT, BHTN	20.024.081	6.830.310
Phải trả tiền vay mượn của các công ty con	22.249.820.675	-
Tiền mượn từ các cá nhân và tổ chức	-	3.468.205.950
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	590.000.000	3.470.000.000
Các khoản phải trả khác	601.852.662	851.196.018
Cộng	23.461.697.418	7.796.232.278

18. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200575021 thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2012, vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 đồng, được chia thành 18.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ đông	Vốn điều lệ đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	2.601.240	26.012.400.000	2.601.240	26.012.400.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	2.451.240	24.512.400.000	2.451.240	24.512.400.000
Lê Sơn Tùng	1.512.151	15.121.510.000	1.512.151	15.121.510.000
Nhóm cổ đông khác				
PANGA HOLDCO PTE. LTD.	-	-	8.800.000	88.000.000.000
Lê Thị Liêm	-	-	1.201.631	12.016.310.000
Cổ đông khác	11.435.369	114.353.690.000	1.433.738	14.337.380.000
Cộng	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2012
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	119.999.300.000	60.000.700.000	-	180.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.306.910.000	318.003.710.000	(312.444.889)	324.998.175.111
Quỹ đầu tư phát triển	6.855.356.319	6.540.062.306	-	13.395.418.625
Lợi nhuận chưa phân phối	117.871.597.896	90.233.666.618	(28.539.992.306)	179.565.272.208
Cộng	252.033.164.215	474.778.138.924	(28.852.437.195)	697.958.865.944

Chi tiết các khoản phân phối lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.540.062.306	2.126.988.640
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000.000	6.380.965.919
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	11.999.930.000	8.000.000.000
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	-	15.999.660.000
Cộng	28.539.992.306	32.507.614.559

b - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2012	Năm 2011
Vốn góp đầu năm	119.999.300.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	60.000.700.000	39.999.300.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	180.000.000.000	119.999.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

2. Thặng dư cổ phần

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư đầu năm	7.306.910.000	31.306.550.000
Thu chênh lệch giá phát hành - mệnh giá	318.003.710.000	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn vốn thặng dư	-	(23.999.640.000)
Chi phí phát hành	(312.444.889)	-
Số tiền thu từ phát hành	324.998.175.111	7.306.910.000
Số cổ phần phát hành tăng trong năm	6.000.070	3.999.930

3. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	11.999.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	11.999.930
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	11.999.930
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	11.999.930
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	11.999.930

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	651.096.943.967	653.553.177.867
Doanh thu bán hàng - Trong nước	195.552.885.112	156.721.451.231
Doanh thu khác	289.804.779	3.454.367.187
Cộng	<u>846.939.633.858</u>	<u>813.728.996.285</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(775.618.265)	(76.661.760)
Hàng bán bị trả lại	(19.047.145.599)	(9.718.182.293)
Cộng doanh thu thuần	<u>827.116.869.994</u>	<u>803.934.152.232</u>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán	<u>670.094.730.873</u>	<u>670.831.623.620</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, cho vay	5.979.053.518	2.151.271.954
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.996.184.434	4.488.437.469
Cổ tức được chia	42.000.000.000	90.052.500.000
Khác	431.309.700	-
Cộng	<u>51.406.547.652</u>	<u>96.692.209.423</u>
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	20.269.837.462	16.902.906.382
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	181.304.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	98.731.548	2.635.348.265
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	67.573.719
Cộng	<u>20.368.569.010</u>	<u>19.787.132.366</u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì	40.844.118.048	35.774.013.079
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	26.474.592.625	21.979.811.539
Chi hoa hồng môi giới	2.230.489.443	3.729.868.120
Chi phí bằng tiền khác	1.968.310.737	1.069.916.013
Cộng	<u>71.517.510.853</u>	<u>62.553.608.751</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	7.537.274.680	6.016.001.945
Chi phí công cụ dụng cụ	873.886.437	952.318.303
Chi phí khấu hao TSCĐ	554.405.085	775.147.004
Chi phí thuê kho	14.400.000.000	17.600.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.650.530	1.365.033.848
Chi phí bằng tiền khác	1.712.715.398	5.587.646.041
Cộng	25.553.932.130	32.296.147.141
7. Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ	621.287.168	-
Thu nhập từ bán phế liệu	3.264.114.329	2.303.328.674
Các khoản thu nhập khác	1.389.143.487	356.109.210
Cộng	5.274.544.984	2.659.437.884
8. Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán	497.871.391	-
Các khoản chi phí khác	2.709.000.965	3.534.617.932
Cộng	3.206.872.356	3.534.617.932
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	93.056.347.408	114.282.669.729
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(42.000.000.000)	(90.052.500.000)
Các khoản không được khấu trừ	2.709.000.965	3.534.617.932
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	(1.129.791.238)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	53.765.348.373	26.634.996.423
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Thuế TNDN hiện hành	8.064.802.256	3.995.249.463
Thuế TNDN được miễn/giảm theo giấy phép đầu tư	(4.032.401.128)	(1.997.624.732)
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 140/2012/BTC	(1.209.720.338)	(599.287.420)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.822.680.790	1.398.337.312
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90.233.666.618	112.884.332.417
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90.233.666.618	112.884.332.417
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	12.246.508	10.333.293
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.368	10.924

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên vật liệu	691.851.628.753	618.997.723.752
Chi phí nhân công	41.271.076.075	31.863.483.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.502.242.381	5.952.951.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.836.695.890	388.681.401.369
Chi phí bằng tiền khác	9.182.328.856	51.059.260.842
Cộng	984.643.971.955	1.096.554.820.968

VIII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu			
Bán hàng - Cty TNHH TM Gò Đàng	Công ty con	36.766.583.844	46.776.199.015
Lãi cho vay - Cty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Công ty con	1.598.897.647	2.049.279.175
Lãi cho vay - Cty XNK Thủy sản An Phát	Công ty con	-	532.120.950
Cổ tức - Cty XNK Thủy sản An Phát	Công ty con	42.000.000.000	90.000.000.000
Bán tài sản - Cty XNK Thủy sản An Phát	Công ty con	497.871.391	-
Mua hàng, gia công, lưu kho			
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Công ty con	22.399.632.000	20.340.756.000
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Công ty con	3.866.358.600	-
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát	Công ty con	101.758.397.000	200.412.363.070
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Công ty con	-	5.354.625.055
Góp vốn			
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Công ty con	26.082.533.909	34.247.532.397

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Công ty con	5.738.763.488	4.999.488.208
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Công ty con	17.718.736.906	11.174.594.822
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Công ty con	1.230.000	-
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Công ty con	1.117.760.660	-
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát	Công ty con	-	29.665.332.038
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	-	9.664.650.000
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Công ty con	1.603.690.600	7.880.328.440
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát	Công ty con	22.053.820.675	48.176.631.571
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Công ty con	196.000.000	-
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Công ty con	-	250.883.826
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc	-	12.532.152.180
Lê Sơn Tùng	Phó Giám đốc	-	261.902.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

DVT: VND

2. Các cam kết khác

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 114/2012/NQ/ĐHĐCĐ ngày 05/10/2012, Công ty sẽ tiến hành hủy niêm yết tự nguyện với mã cổ phiếu AGD, đồng thời xây dựng phương án mua lại toàn bộ số cổ phần của các cổ đông nhỏ với giá 50.000 đồng/cổ phiếu trước khi hủy niêm yết. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa quyết định cho Công ty hủy niêm yết.

3. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 31/12/2012			
	Gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	187.557,38	2.174,60	3.906.445.109	60.355.173
Phải thu khách hàng	3.584.297,32	-	74.653.744.475	-
Tổng cộng	3.771.854,69	2.174,60	78.560.189.584	60.355.173
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	447.152.973.277	-
Tổng cộng	-	-	447.152.973.277	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	3.771.854,7	2.174,60	(368.592.783.693)	60.355.173

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (18.429.639.185) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là 3.017.759 đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty con chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 157.662.706.179 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ ngắn hạn	448.253.973.277	-	-	448.253.973.277
Phải trả người bán	69.888.893.618	-	-	69.888.893.618
Người mua trả trước	553.261.000	-	-	553.261.000
Chi phí phải trả	1.492.383.657	-	-	1.492.383.657
Các khoản phải trả khác	23.461.697.418	-	-	23.461.697.418
Cộng	543.650.208.970	-	-	543.650.208.970
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ ngắn hạn	328.622.484.864	-	-	328.622.484.864
Phải trả người bán	83.975.249.502	-	-	83.975.249.502
Người mua trả trước	1.301.320.479	-	-	1.301.320.479
Chi phí phải trả	2.265.659.236	-	-	2.265.659.236
Các khoản phải trả khác	7.796.232.278	-	-	7.796.232.278
Cộng	423.960.946.359	-	-	423.960.946.359

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 13 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính) để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại Công ty.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2012	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Đơn vị tính: ngàn đồng	
				Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Tiền gửi tiết kiệm	316.000.000	-	-	316.000.000	-
Các đầu tư dài hạn khác					
Tiền gửi tiết kiệm	70.000.000	-	-	70.000.000	-
Đầu tư vào Công ty con	144.623.215	-	-	144.623.215	-
Tổng cộng	530.623.215	-	-	530.623.215	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con dựa trên báo cáo tài chính của các Công ty con tại ngày 31/12/2012.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc